

# NĂNG LỰC THUYẾT TRÌNH TIẾNG PHÁP CỦA SINH VIÊN TIẾNG PHÁP NĂM 2

Trương Đức Vinh\*, Hồ Thủy An

Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế

\*Email: [vinhfbf123@gmail.com](mailto:vinhfbf123@gmail.com)

(Nhận bài: 09/01/2023; Hoàn thành phản biện: 31/03/2023; Duyệt đăng: 07/04/2023)

**Tóm tắt:** Kỹ năng thuyết trình nói chung cũng như thuyết trình bằng ngoại ngữ nói riêng đóng vai trò quan trọng trong môi trường giáo dục và nghề nghiệp. Bài báo này sẽ phân tích năng lực thuyết trình tiếng Pháp của sinh viên năm 2 ngành Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế, đồng thời chỉ ra những khó khăn SV thường gặp. Qua điều tra khảo sát và phỏng vấn sinh viên, giáo viên, chúng tôi nhận thấy rằng đa số sinh viên còn khá lúng túng khi luyện tập và trình bày một bài thuyết trình tiếng Pháp trước đám đông (cụ thể là lớp học ngoại ngữ) và thường gặp khó khăn về từ vựng, ngữ pháp, giọng nói, phát âm và ngôn ngữ cơ thể.

*Từ khóa:* kỹ năng ngôn ngữ, tiếng Pháp, thuyết trình

## 1. Mở đầu

### 1.1 Lịch sử vấn đề nghiên cứu

Nhằm đáp ứng nhu cầu của đại đa số ngành nghề hiện nay, việc luyện tập kỹ năng thuyết trình, đặc biệt thuyết trình bằng ngoại ngữ, đã không còn quá xa lạ do thuyết trình đóng vai trò quan trọng trong cuộc sống nghề nghiệp, học tập (Nguyễn Dung, 2021). Thế nên, đã có rất nhiều công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đề cập đến vấn đề nâng cao kỹ năng này cho mọi người (ví dụ, “Comment faire (et réussir) un exposé oral?” - Prof de Français, 2020), “4 éléments importants dans la prise de parole en public” - Aptitude RH, 2018 và “Le guide ultime de la prise de parole en public” - Ideas on stage, 2021). Các công trình này đã nhấn mạnh những yếu tố quan trọng khi nói trước đám đông cũng như nêu bật vai trò của ánh mắt, giọng nói, cử chỉ khi thuyết trình. Ngoài ra, các công trình như của Aguecheriou và Ait Hamma (2020) và Tano (2021) đã đề cập đến việc sử dụng TT như là phương pháp giảng dạy ngoại ngữ. Tian (2016) và Kameli (2020) cũng đã phân tích những khó khăn mà người học tiếng Pháp thường gặp khi thuyết trình. Đối với các đề tài trong nước, nổi bật là các nghiên cứu của Nguyễn Thị Phương Nhung (2009), Phạm Thị Thanh Thùy và cộng sự (2013) và Phạm Thị Phương (2017). Các đề tài này đã khái quát những yếu tố ảnh hưởng đến kỹ năng thuyết trình của SV chuyên ngữ. Tại Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế (ĐHNN, ĐHH), nơi thực hiện đề tài này, cũng có các nghiên cứu liên quan đến thuyết trình (Phan Đình Ngọc Châu, 2012; Nguyễn Thị Kim Liên, 2015); Lê Thái Cẩm Trang, 2018).

### 1.2 Mục tiêu và câu hỏi nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát thực trạng về khả năng thuyết trình bằng tiếng Pháp của SV năm 2 ngành Tiếng Pháp, tìm hiểu những khó khăn SV thường gặp và lý giải

nguyên nhân gây ra để từ đó đề xuất giải pháp giúp cải thiện khả năng thuyết trình tiếng Pháp của SV. Đây chính là nền tảng để SV Tiếng Pháp nói chung hoàn thiện các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), tạo tiền đề tốt để theo học các môn chuyên ngành. Do đó, nghiên cứu đặt ra hai câu hỏi:

1. Khả năng thuyết trình bằng tiếng Pháp trong các học phần của sinh viên chuyên ngữ năm 2 hiện nay như thế nào?
2. SV thường gặp những khó khăn gì khi thuyết trình bằng tiếng Pháp? Tại sao SV thường gặp những khó khăn này?

## 2. Cơ sở lý luận

### 2.1 Thuyết trình và giảng dạy tiếng Pháp

#### 2.1.1 Định nghĩa thuyết trình

Theo Lại Thế Luyện và cộng sự (2021), thuyết trình là trình bày một cách hệ thống và sáng rõ một vấn đề trước đông người. Người thuyết trình hiệu quả là người mất ít thời gian nhất để truyền tải thông tin nhưng người tiếp nhận vẫn hiểu được rõ ràng và kỹ lưỡng thông tin được truyền tải. King (2002) xem thuyết trình là một hoạt động giao tiếp hiệu quả được các giáo viên áp dụng rộng rãi nhằm nâng cao kỹ năng nói một cách thành thạo. Nhóm các nhà nghiên cứu gồm Miecznikowski và cộng sự (2001) cũng cho rằng thuyết trình là hoạt động thực hành diễn thuyết và tương tác đóng vai trò quan trọng trong nhiều hoạt động nghề nghiệp.

Như vậy, qua ba định nghĩa nêu trên, có thể thấy thuyết trình là cơ hội để mỗi cá nhân có thể biểu đạt ý kiến của bản thân hay tập thể trước công chúng. Trong môi trường học đường, đặc biệt ở bậc đại học, kỹ năng này càng đóng vai trò quan trọng bởi thuyết trình là một trong những yếu tố giúp SV hoàn thiện bản thân để từ đó làm tiền đề phát triển trong học tập và sự nghiệp.

#### 2.1.2 Thuyết trình trong dạy/học ngoại ngữ

Đối với người học ngoại ngữ, thuyết trình mang lại nhiều lợi ích. Trước hết, SV có thể luyện tập song song các kỹ năng về ngôn ngữ và kỹ năng trình bày vấn đề trước đám đông. Ngoài ra, mục đích của việc thuyết trình trong lớp học ngoại ngữ còn nhằm rèn luyện kỹ năng tìm kiếm, rà soát thông tin và đánh giá khả năng sử dụng ngôn ngữ (ngoại ngữ) của từng SV. Thông thường, SV hoặc GV sẽ chọn chủ đề, sau đó SV sẽ tìm kiếm thông tin, thiết kế bản trình chiếu và trình bày trước lớp. Có thể nhận thấy rằng trong mỗi tiết học có đề tài thuyết trình thời gian nói của GV sẽ giảm xuống; thay vào đó, SV sẽ làm chủ tiết học, vai trò của GV sẽ thay đổi theo từng giai đoạn khác nhau nhằm nhận biết những khó khăn của SV và đưa ra giải pháp phù hợp giúp SV hoàn thiện kỹ năng TT (Phạm Thị Phương, 2017). Sau khi kết thúc phần trình bày, SV có thể trao đổi ý kiến với bạn bè và tiếp nhận nhận xét của GV nhằm hiểu rõ, hiểu đúng về đề tài thuyết trình, rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân để hoàn thiện những bài thuyết trình về sau. Hơn nữa, thuyết trình giúp SV sử dụng tổng hợp bốn kỹ năng ngôn ngữ một cách tự nhiên, trở thành chủ thể của hoạt động giao tiếp thực sự bởi khi thuyết trình, SV huy động và phát triển cả kỹ năng ngôn ngữ lẫn phi ngôn ngữ (tìm kiếm, xử lý thông tin, ghi chép, soạn slide, v.v.) và trở thành người học chủ động (Luu Quý Khương, 2006; Tian, 2016).

## 2.2 Khó khăn của người học khi thuyết trình tiếng Pháp

Tuy nhiên, thuyết trình không phải là nhiệm vụ dễ thực hiện đối với người (mới) học ngoại ngữ. Theo Tian (2016), bên cạnh năng lực ngôn ngữ hạn chế (thiếu từ vựng, cấu trúc; dùng sai ngữ pháp; phát âm chưa chuẩn, chưa trôi chảy), SV Trung Quốc còn không được rèn luyện về mặt phương pháp. Từ đó, dẫn đến các bài thuyết trình thường thiếu tính giao tiếp (từ vựng quá chuyên biệt, câu văn phức tạp, đọc lại bài đã chuẩn bị một cách máy móc, v.v.), thiếu tổ chức diễn ngôn (SV chỉ chú ý đến từ vựng và ngữ pháp từng câu riêng biệt mà chưa biết cách liên kết toàn bộ văn bản). Ngoài ra, SV thường có cảm giác xấu hổ vì khả năng làm chủ ngôn ngữ khá mong manh. Trong nghiên cứu về SV Algeria, Aguecheriou và Ait Hamma (2020) đã chỉ ra rằng SV thường cảm thấy căng thẳng khi thuyết trình, sợ mắc lỗi và ngại ngừng. Ngoài ra, họ còn thiếu kinh nghiệm khi chọn chủ đề, hình thành cấu trúc của bài thuyết trình. Điểm chung của hai nghiên cứu này là đều nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hướng dẫn cho SV phương pháp thuyết trình.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1 Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Đối tượng của nghiên cứu là khả năng thuyết trình tiếng Pháp của SV năm 2 ngành Tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế (ĐHNN, ĐHH) và khách thể tham gia cung cấp dữ liệu cho nghiên cứu là SV năm thứ hai (năm học 2021-2022) và GV tiếng Pháp tham gia giảng dạy lớp này.

### 3.2 Phương pháp tiếp cận

Để trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu đề ra, chúng tôi đã tiến hành điều tra và phỏng vấn khách thể nghiên cứu. Bảng câu hỏi dành cho SV gồm 3 phần. Phần thông tin cá nhân bao gồm 1 câu hỏi mở và 2 câu hỏi đóng. Phần nội dung chính có 8 câu hỏi mở và 12 câu hỏi đóng. Các câu hỏi gợi mở cho yêu cầu SV cung cấp thông tin về kinh nghiệm học tiếng Pháp, cảm nhận về việc diễn đạt bằng tiếng Pháp, quan điểm về việc luyện tập kỹ năng thuyết trình bằng tiếng Pháp, lợi ích của việc luyện tập thuyết trình bằng tiếng Pháp, tần suất và thời gian luyện tập thuyết trình bằng tiếng Pháp, yếu tố ngoại cảnh ảnh hưởng đến chất lượng bài thuyết trình, yếu tố quan trọng trong bài thuyết trình, cách chuẩn bị và thực hiện bài thuyết trình, và cách thu hút sự chú ý của người nghe. Phần đề xuất và kiến nghị có 1 câu hỏi mở. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng đã tiến hành phỏng vấn 2 GV p và 3 SV. Bảng câu hỏi phỏng vấn này gồm 7 câu hỏi xoay quanh việc áp dụng thuyết trình trong lớp học, những khó khăn SV thường gặp và cách thức luyện tập thuyết trình.

### 3.3 Thu thập số liệu

Chúng tôi triển khai gửi biểu mẫu *Google form* (được thiết lập cài đặt chỉ nhận một câu trả lời duy nhất lần thứ nhất cho SV vào tháng 5/2022 và thu được 16/33 câu trả lời. Do chỉ đạt 48,5% số sĩ số lớp, chúng tôi đã gửi biểu mẫu lần thứ 2 vào tháng 6/2022, kết quả thu được 27/33 phiếu cho cả hai lần gửi, đạt 81,8% số mẫu phiếu phát ra.

Về phần phỏng vấn, 2/7 GV phụ trách các học phần sử dụng tiếng Pháp đã đồng ý trao đổi với chúng tôi qua *Google meet*. Hai GV trả lời phỏng vấn chúng tôi có tuổi đời khoảng từ 50-60 tuổi, có học vị tiến sĩ và thường đảm nhận các học phần về Thực hành tiếng (Nghe, Nói, Đọc,

Viết), Lý thuyết tiếng (Ngữ âm-Âm vị, Ngữ pháp văn bản) và Phương pháp dạy học. Đối với SV, chúng tôi đã phỏng vấn trực tiếp 3 SV và ghi âm bằng điện thoại vào tháng 6/2022.

## 4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

### 4.1 Đánh giá của sinh viên năm 2 ngành Tiếng Pháp về việc diễn đạt bằng tiếng Pháp

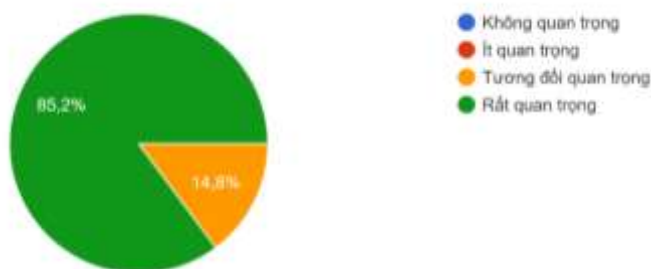
Theo khảo sát, đa số SV (85,2%) đánh giá việc diễn đạt bằng tiếng Pháp là khó (66,7%) và cực khó (18,5%); không có SV nào chọn phương án “dễ” và tỉ lệ SV cho rằng bản thân có khả năng diễn đạt bằng tiếng Pháp chỉ chiếm chưa tới 1/6 lớp. Từ kết quả khảo sát này, chúng ta nhận thấy SV Pháp K17 đang còn gặp nhiều khó khăn và rào cản khi diễn đạt bằng tiếng Pháp.

**Bảng 1.** Đánh giá của SV về diễn đạt bằng tiếng Pháp

Mức độ	Số lượng/27	Tỉ lệ
Dễ	0	0%
Vừa phải	4	14,8%
Khó	18	66,7%
Cực khó	5	18,5%

### 4.2 Tình hình thực hành và luyện tập thuyết trình tiếng Pháp của SV

#### 4.2.1 Nhận thức về tầm quan trọng của thuyết trình



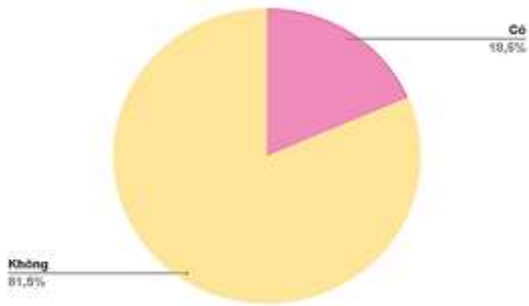
**Biểu đồ 1.** Tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình

Như biểu đồ 1 thể hiện, đa số SV (85,2%) đánh giá TT đóng vai trò rất quan trọng và 1/6 cho rằng tương đối quan trọng (14,8%). Điều này thể hiện rằng SV tương đối nắm bắt được vai trò của kỹ năng thuyết trình. Họ cho biết thuyết trình giúp bản thân tự tin trước đám đông, đồng thời cũng là cơ hội tra dồi thêm kiến thức xoay quanh chủ đề thuyết trình. Ngoài ra, thuyết trình còn giúp ích rất nhiều trong việc hình thành khả năng tư duy, xử lý các vấn đề giao tiếp, biết phối hợp giữa người nói và người nghe để khả năng tương tác của người thuyết trình được nâng cao. Khi thuyết trình bằng tiếng Pháp, SV có thể cải thiện cả khả năng giao tiếp lẫn diễn đạt ngôn ngữ. Việc rèn luyện kỹ năng thuyết trình còn đặc biệt có ý nghĩa khi một số bạn đã xác định được ngành nghề hướng đến trong tương lai (lễ tân khách sạn, hướng dẫn viên du lịch tiếng Pháp, tư vấn viên, v.v.).

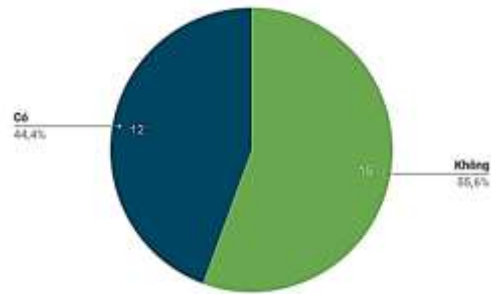
#### 4.2.2 Luyện tập thuyết trình

Mặc dù nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng thuyết trình trong học tập và cuộc sống ngày nay nhưng phần lớn SV đã không tìm hiểu về việc cải thiện kỹ năng thuyết trình, cụ thể có đến 81,5% SV chọn “không” và chỉ 18,5% chọn “có” (Biểu đồ 2a). Hơn nữa, chỉ 44,4% thường xuyên luyện tập và thời gian tập luyện của các bạn rơi vào quãng 1 tiếng/tuần chiếm hơn

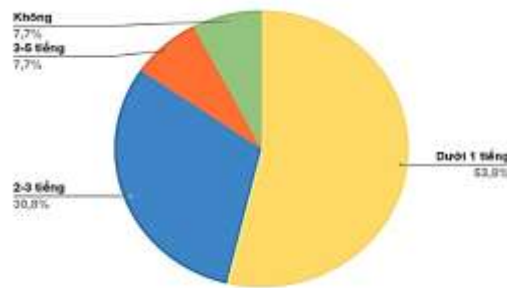
nửa lớp (53,8%); tiếp đến là 2-3 tiếng (30,8%), 3-5 tiếng (7,7%) và không luyện tập (7,7%) (Biểu đồ 2b, 2c). Từ đó, có thể thấy việc cải thiện kỹ năng này không được SV đề cao, chú trọng; SV dành ít thời gian để luyện tập đồng nghĩa rằng khả năng thuyết trình của họ nói chung cũng như khả năng thuyết trình tiếng Pháp nói riêng sẽ có những hạn chế nhất định.



Biểu đồ 2a. Tìm hiểu về việc cải thiện kỹ năng TT



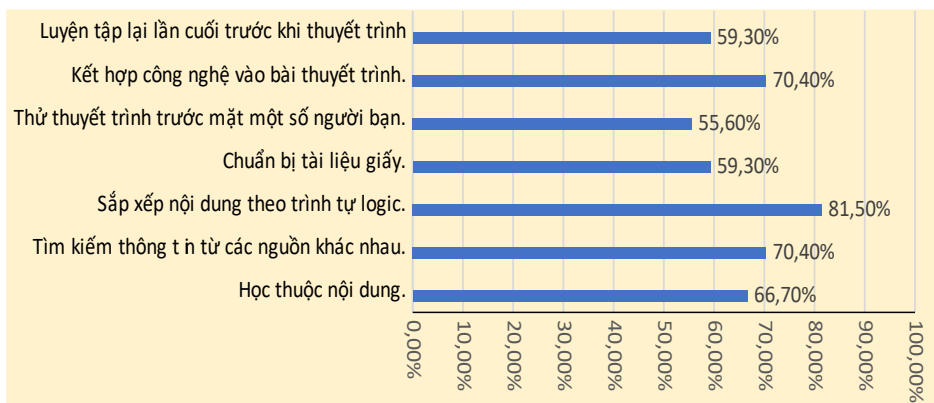
Biểu đồ 2b. Tự luyện tập TT tiếng Pháp



Biểu đồ 2c. Thời gian tự luyện tập TT tiếng Pháp/tuần

### 4.2.3 Tiến hành thuyết trình

Tuy ít tìm hiểu về việc cải thiện kỹ năng thuyết trình cũng như ít dành thời gian luyện tập nhưng SV có xu hướng thực hành nhiều lần và chuẩn bị kỹ trước khi buổi thuyết trình diễn ra. Hơn 50% tự luyện tập (cá nhân hoặc nhóm nhỏ) theo phương pháp nhất định (học thuộc nội dung, chuẩn bị tài liệu giấy). Ngoài ra, gần ¾ khách thể cho biết họ đã biết tìm kiếm thông tin từ các nguồn khác nhau, kết hợp công nghệ vào bài thuyết trình (70,4%). Hơn nữa, đa số SV ưu tiên sắp xếp nội dung bài thuyết trình theo trình tự logic (81,5%) (Biểu đồ 3a).



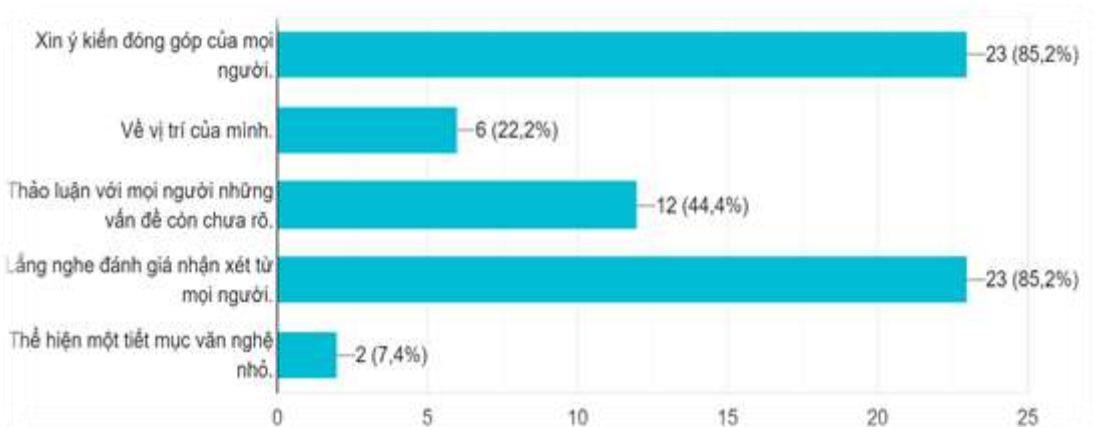
Biểu đồ 3a. Chuẩn bị trước khi TT

Ngoài ra, để thu hút sự chú ý của người nghe, SV chủ yếu sử dụng hai cách: tương tác (77,8%) và đặt câu hỏi (66,7%) với khán giả. Các chiến lược như nhấn mạnh các điểm chính (59,3%); sử dụng ngôn ngữ cơ thể (55,6%); thể hiện cảm xúc qua từng câu hỏi, nhìn vào người nghe (51,9%) và trình diễn tiết mục ảo thuật (14,8%) cũng góp phần tạo dựng thành công cho bài thuyết trình nhưng với tỉ lệ khiêm tốn hơn (Biểu đồ 3b).



**Biểu đồ 3b.** Cách thu hút sự chú ý của người nghe

Sau khi thuyết trình, hai hoạt động chính của SV là xin ý kiến đóng góp và lắng nghe đánh giá nhận xét từ mọi người (85,2%) trong khi thảo luận những vấn đề chưa rõ chỉ được đánh giá dưới mức trung bình. Cuối cùng, về vị trí và đặc biệt là thể hiện một tiết mục văn nghệ nhỏ được rất ít SV lựa chọn (Biểu đồ 3c).



Từ kết quả trên, có thể suy ra SV thường chuẩn bị tương đối tốt và khi thuyết trình, biết hướng đến khán giả, đề cao ý kiến góp ý từ người nghe. Tuy nhiên, các bạn vẫn vấp phải một vài khó khăn nhất định.

### 4.3 Khó khăn của SV Pháp K17 khi TT bằng tiếng Pháp

Bảng 2 và 3 hệ thống những khó khăn mà SV thường gặp khi thuyết trình bằng tiếng Pháp qua góc nhìn của bản thân SV và của GV. Có thể thấy rằng có nhiều sự tương đồng trong cách nhìn nhận của GV và SV về những khó khăn SV thường gặp khi thuyết trình tiếng Pháp. Đó là các trở ngại về từ vựng, phát âm, cách biểu đạt và công cụ hình ảnh. Các trở ngại về từ vựng,

phát âm, cách biểu đạt này hoàn toàn dễ hiểu bởi đa số SV gặp nhiều khó khăn khi diễn đạt bằng tiếng Pháp (chi tiết được thảo luận ở mục xem 4.1).

**Bảng 2.** Khó khăn SV gặp phải khi TT tiếng Pháp dưới góc nhìn của chính bản thân SV

Phân loại	Ý kiến của SV
Từ vựng	- Lượng từ vựng của SV còn hạn chế, phần lớn trình độ của SV-Pháp K17 nằm ở mức độ A2 theo khung tham chiếu Ngôn ngữ Chung Châu Âu (CEFR). - Việc nhầm lẫn nghĩa của từ vựng thường xuyên xảy ra khi mới bắt đầu học tiếng Pháp.
Ngữ pháp	- Ngữ pháp tiếng Pháp khá khó với những người mới bắt đầu học tiếng Pháp, vì phải hợp giống, hợp số trong từng câu. - Các chủ điểm ngữ pháp còn hạn chế, chưa biết cách vận dụng ngữ pháp khi nói tiếng Pháp.
Phát âm	- Phát âm còn gặp nhiều trở ngại, đặc biệt với những âm mũi trong tiếng Pháp.
Ngôn từ	- Diễn đạt câu quá dài dòng hoặc diễn đạt quá ngắn vì thiếu trường từ vựng khi nói.
Giọng nói	- SV chưa kiểm soát được tốc độ nói, nhấn âm hay biểu đạt cảm xúc của câu khi nói.
Ngôn ngữ cơ thể	- Căng thẳng và áp lực dẫn đến khuôn mặt không được tự nhiên. - Một số SV không kiểm soát được hành động của cơ thể như quơ tay loạn xạ. - Đa số SV không nhìn thẳng về phía khán giả mà chỉ nhìn vào bản trình chiếu khi nói.
Công cụ hình ảnh	- Hình ảnh trên bản trình chiếu không thống nhất với nội dung trình bày. - Chưa sử dụng thành thạo các công cụ thiết kế bản trình chiếu, nhất là những SV chưa được tiếp xúc nhiều với máy tính.
Yếu tố khác	- Quên nội dung cần trình bày vì áp lực từ mọi người xung quanh. - Mắc các hội chứng sợ đám đông, sợ ánh mắt của mọi người. - Tự ti vào năng lực của bản thân dẫn đến việc ngại diễn đạt ý kiến.

**Bảng 3.** Khó khăn mà SV gặp phải khi TT tiếng Pháp dưới góc nhìn của GV

Phân loại	Nhận xét của GV
Từ vựng	- Tiếng Pháp chuyên ngành hay tiếng Pháp phổ thông đều có lượng từ vựng khó (khó nhớ và khó đọc), điều này dẫn đến SV gặp những trở ngại về mặt từ vựng khi TT với một số đề tài nhất định.
Phát âm	- Phát âm của SV còn yếu, chưa chuẩn làm cho người nghe khó hiểu, đây cũng là một khó khăn lớn đối với người học tiếng Pháp.
Ngôn từ	- Khó khăn đầu tiên đó là khó khăn về mặt ngôn ngữ. Ví dụ như có một số SV kỹ năng ngôn ngữ chưa được tốt thường sẽ không làm chủ được phần trình bày của mình. Việc trình bày cũng khá vất vả. - Về mặt kết cấu câu, SV diễn đạt còn lúng túng và chưa biết cách sử dụng câu.
Công cụ hình ảnh	- Trình bày bản trình chiếu chưa hợp lý, bỏ toàn bộ nội dung TT vào bản trình chiếu thay vì tóm tắt những ý chính của đề tài TT.
Nội dung	- Phần lớn SV chưa tìm hiểu kỹ nội dung cần trình bày TT, điều này dẫn đến bài TT không rõ ràng và nội dung TT còn hạn chế.

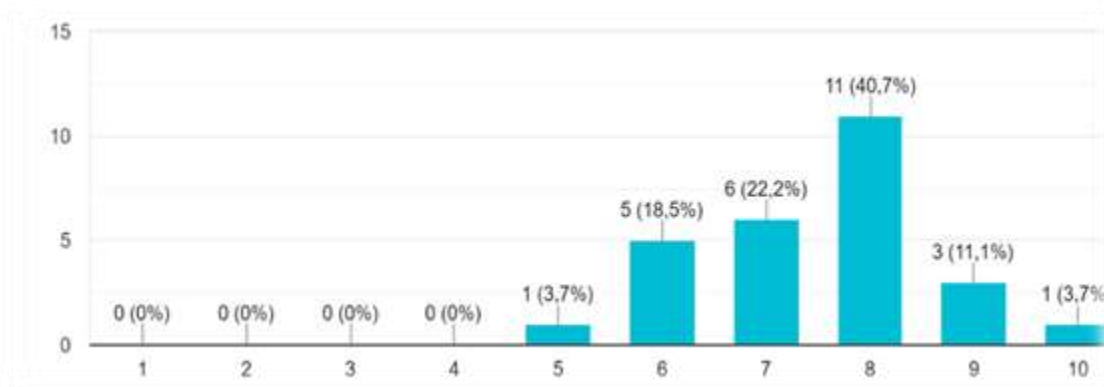
Ngoài ra, cũng tồn tại một số yếu tố khác biệt. Nếu như GV chú trọng đến nội dung của bài thuyết trình (SV còn khó khăn trong việc tìm hiểu nội dung đề tài cần trình bày dẫn đến bài thuyết trình không rõ ràng và nội dung thuyết trình còn tương đối hạn chế) thì SV lại nhấn mạnh

đến cảm nhận và trải nghiệm của bản thân. Thật vậy, nhiều SV cho biết bản thân sợ đám đông, sợ đối diện với nhiều ánh mắt của khán giả. Thế nên, giọng nói, ngữ điệu, ngôn ngữ không chuẩn xác, dễ mắc nhiều lỗi làm giảm chất lượng của buổi thuyết trình.

Hai GV và ba SV tham gia phỏng vấn cũng đã lý giải nguyên nhân gây ra những khó khăn này ở cả hai khía cạnh khách quan và chủ quan. Về nguyên nhân khách quan, đó là do trước khi vào đại học, SV chưa được tiếp xúc với tiếng Pháp, đồng thời chưa có cơ hội và thời gian để rèn luyện tiếng Pháp; SV gặp khó khăn trong việc phát âm, đặc biệt là âm mũi bởi tiếng Việt không có những âm này. Ngoài ra, để có thể tiếp thu từ vựng mới và thực hành bốn kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), SV cần thời gian “thấm thấu” dần. Về mặt chủ quan, mặc dù đứng trước nhiều thử thách như thế, một số SV còn thụ động trong việc tự học hoặc học theo kiểu đối phó. Hơn nữa, một số SV vẫn chưa thích ứng được với phong cách làm việc ở môi trường đại học, còn ngần ngại tham khảo, trao đổi ý kiến với GV để tìm kiếm phương pháp học tập hiệu quả và giải quyết những vấn đề khó.

#### 4.4 Hiệu quả của thuyết trình trong lớp học tiếng Pháp

Biểu đồ 4 cho thấy 100% SV tham gia điều tra đánh giá hiệu quả của bài thuyết trình trong lớp học ngoại ngữ từ điểm 5 (thang điểm 10) trở lên. Mức 8 điểm được nhiều SV chọn nhất (40,7%); sau đó lần lượt là điểm 7 (22,2%), điểm 6 (18,5%), điểm 9 (11,1%) và cuối cùng là 5 và 10, chiếm 3,7% mỗi mức điểm. Với kết quả này, chúng ta nhận thấy SV đánh giá cao về mức độ hiệu quả của việc thực hành thuyết trình trong lớp học ngoại ngữ.



Biểu đồ 4. Đánh giá của SV về hiệu quả của TT tiếng Pháp

Ngoài ra, thông qua phỏng vấn trực tiếp 3 SV và 2 GV, nhóm nghiên cứu nhận thấy cả hai nhóm khách thể nghiên cứu đều xem thuyết trình là cơ hội để rèn luyện kỹ năng diễn đạt, tăng cường sự tự tin và nâng cao vốn từ vựng; đồng thời, nhấn mạnh việc chuẩn bị kỹ lưỡng trước khi thuyết trình là rất quan trọng để truyền tải nội dung một cách đầy đủ và rõ ràng đến với người nghe. Hơn nữa, cả người dạy và người học đều tán thành rằng thuyết trình là phương pháp tốt để SV tiếp thu nhiều kiến thức mới, nâng cao trình độ chuyên môn và ngôn ngữ. Tuy nhiên, ý kiến của SV tập trung vào lợi ích mà thuyết trình mang lại cho cá nhân SV, như rèn luyện kỹ năng mềm và cải thiện năng lực ngôn ngữ. Trong khi đó, GV chú trọng hơn vào lợi ích chung của việc thuyết trình, như khám phá các chủ đề mới, tăng cường khả năng tranh luận và bảo vệ quan điểm. Ngoài ra, GV cũng cho rằng thuyết trình có thể là cơ hội để SV nắm chắc và học thuộc bài học, trong khi SV không nhắc đến điều này.



Về phần lợi ích cụ thể của thuyết trình, SV đánh giá cao trải nghiệm để rèn luyện sự tự tin khi nói trước đám đông (88,9%) và được chỉnh sửa phát âm từ GV, bạn học (85,2%). Các phương án khác (được luyện tập kỹ năng thuyết trình thường xuyên; tiếp thu những kiến thức mới thông qua nhận xét của GV và bạn bè; thực hành tiếng Pháp) cũng được từ 2/3 SV tham gia nghiên cứu trở lên chọn (Bảng 4).

**Bảng 4.** Lợi ích của việc luyện tập TT tiếng Pháp

	Số lượng/27	Tỉ lệ
Tự tin hơn trong việc diễn đạt ngôn ngữ cá nhân đến với mọi người.	24	88,9%
Được chỉnh sửa phát âm từ Thầy/Cô, bạn bè.	23	85,2%
Làm quen với việc đứng trước đám đông.	24	88,9%
Được luyện tập kỹ năng thuyết trình thường xuyên.	19	70,4%
Tiếp thu những kiến thức mới thông qua nhận xét của Thầy/Cô và bạn bè.	19	70,4%
Cơ hội để thực hành tiếng Pháp.	18	66,7%

Tóm lại, mặc dù đánh giá cao hiệu quả của thuyết trình trong việc học tiếng Pháp, nhận thức được tầm quan trọng cũng như lợi ích do thuyết trình mang lại, SV tiếng Pháp vẫn chưa chủ động tìm hiểu và có biện pháp cụ thể để cải thiện năng lực thuyết trình của bản thân. Những khó khăn mà SV gặp phải có thể được chia thành 2 nhóm lớn: khó khăn do trình độ tiếng Pháp còn hạn chế (từ vựng, ngữ pháp, phát âm, ngôn từ) và khó khăn do thiếu kiến thức về thuyết trình (giọng nói, ngôn ngữ cơ thể, công cụ hình ảnh, nội dung trình bày). Ngoài ra, yếu tố tâm lý (sợ đám đông, cảm giác tự ti) cũng là trở ngại lớn mà SV cần phải vượt qua.

Như vậy, kết quả nghiên cứu này có nhiều điểm tương đồng với kết quả nghiên cứu của Tian (2016) và của Aguecheriou và Ait Hamma (2020). Cả SV Algeria, Trung Quốc và Việt Nam đều gặp phải rào cản tâm lý và trở ngại do mới học tiếng Pháp, thiếu kiến thức và kỹ năng về thuyết trình, hay “phương pháp dạy học” (formation méthodologique) như từ dùng trong nghiên cứu của Tian (2016) và Aguecheriou & Ait Hamma (2020). Tuy nhiên, nếu như Tian (2016) cho rằng khả năng thông thạo ngoại ngữ yếu kém không phải là trở ngại quyết định trong quá trình phát triển bài thuyết trình của SV thì kết quả nghiên cứu này cho thấy, ba yếu tố ngôn ngữ, phương pháp và tâm lý đóng vai trò ngang nhau, tác động qua lại lẫn nhau. Vậy nên, muốn thuyết trình tiếng Pháp thành công, SV cần được rèn luyện đồng thời cả ba khía cạnh này.

## 5. Đề xuất

Từ những kết quả nghiên cứu ở trên, nhóm nghiên cứu có những đề xuất và gợi ý dưới đây để SV có thể nâng cao kỹ năng thuyết trình tiếng Pháp.

### 5.1 Yêu cầu của bài TT tiếng Pháp thành công

Các GV tiếng Pháp tham gia nghiên cứu này đã nêu ra những yêu cầu mà SV cần đáp ứng khi thuyết trình tiếng Pháp. Cụ thể là:

+ *Người thuyết trình*: SV cần nghiên cứu kỹ trường từ vựng của chủ đề, đồng thời tìm hiểu các câu, thành ngữ hay để sử dụng trong phân tích và trình bày. Ngoài ra, người thuyết trình phải diễn đạt rõ ràng, lập luận chặt chẽ, giải thích và chứng minh được vấn đề đặt ra. Hơn nữa, phát âm, ngữ điệu, nhấn nhá cũng là một trong những yêu cầu quan trọng của bài thuyết trình

ngoại ngữ. Cuối cùng, nhằm đảm bảo cho bài thuyết trình rõ ràng và hiệu quả, SV cần phải có chiến lược cụ thể để trình bày thông tin một cách chuyên nghiệp và thuyết phục người nghe.

+ *Về bố cục và thời gian của một bài thuyết trình*: Bố cục bài thuyết trình phải có 3 phần đầy đủ bao gồm mở bài, thân bài và kết bài.

+ *Về nội dung của bài thuyết trình*: Nội dung trình bày đúng trọng tâm chủ đề. Nội dung của bài thuyết trình cần phù hợp với thời lượng được yêu cầu. Các ý tưởng, luận điểm cần được sắp xếp phù hợp.

+ *Về mặt hình thức của bài thuyết trình*: hình ảnh được đưa vào bản trình chiếu phải phù hợp với nội dung đưa ra trong trang trình chiếu, không lạm dụng hiệu ứng (Phạm Xuân, 2022).

## 5.2 Phương pháp luyện tập thuyết trình

Để có thể đáp ứng các yêu cầu trên, bản thân SV cần phải luyện tập thường xuyên. Dưới đây là các phương pháp được ghi nhận qua trong quá trình điều tra, phỏng vấn SV:

- Luyện tập thuyết trình hàng ngày trước gương và duy trì thói quen 15 phút mỗi ngày.
- Làm bài thuyết trình theo nhóm để trao đổi và thảo luận ý kiến cùng nhau. Ngoài ra, thuyết trình trước các thành viên trong nhóm giúp bản thân làm quen với bài thuyết trình, đồng thời nhận được sự góp ý của các thành viên trong nhóm.
- Xem và học hỏi từ những video về thuyết trình.
- Luyện tập các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết ngoại ngữ thường xuyên; nắm chắc nền tảng kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, trau dồi vốn từ vựng theo chủ đề để đảm bảo sử dụng từ vựng đúng ngữ cảnh.

## 5.3 Nâng cao tính tự chủ và tăng cường làm việc nhóm

Theo kết quả nghiên cứu, tỉ lệ SV tìm hiểu về việc cải thiện kỹ năng thuyết trình còn rất ít (18,5%). Đồng thời, SV còn gặp nhiều khó khăn khi thuyết trình, ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả học tập của bản thân. Vì vậy, SV cần nâng cao tính chủ động tự rèn luyện nâng cao khả năng thuyết trình. Việc tự rèn luyện còn giúp SV phát triển những kỹ năng khác như phân tích dữ liệu, tìm kiếm tài liệu, hình ảnh.

Việc thiết lập một nhóm hay một tập thể cùng nhau học tập và phát triển sẽ giúp ích rất nhiều cho quá trình học tập của SV và hỗ trợ nhau sửa những lỗi sai về phát âm, hình thức trình bày của người thuyết trình.

## 6. Kết luận

Nghiên cứu đã đạt được một số kết quả. Trước hết, kết quả nghiên cứu cho thấy phần lớn SV (85,2%) còn lúng túng và gặp khó khăn khi thuyết trình bằng tiếng Pháp hay trình bày một bài thuyết trình trước đám đông. Ngoài ra, SV còn chưa có mục tiêu học tập rõ ràng và chưa có sự tìm hiểu về thuyết trình tiếng Pháp. Vì vậy, SV trở nên thụ động hơn trong việc tiếp thu kiến thức; một số còn mang tâm lý phụ thuộc vào kiến thức được giảng dạy và hiếm khi chủ động tiếp thu kiến thức bên ngoài. Tuy nhiên, hầu hết SV cũng đã nhận thức được lợi ích của việc luyện tập thuyết trình tiếng Pháp và đề xuất các giải pháp khắc phục những khó khăn nêu trên.

Với thời gian hạn hẹp, số lượng nhỏ khách thể tham gia nghiên cứu, nhóm nghiên cứu nhận thức rõ về một số hạn chế của đề tài, những kết quả đạt được ở trên chưa mang tính đại diện cao. Do đó, trong tương lai, đề tài cần được phát triển theo hướng mở rộng và sâu hơn, ví dụ so sánh kỹ năng thuyết trình của SV ngành Tiếng Pháp, với SV cùng khối ngành ở các Trường đại học khác. Mặc dù vậy, kết quả nghiên cứu vẫn cung cấp một góc nhìn về vấn đề thực tiễn trong dạy và học tiếng Pháp tại Trường ĐHNH, ĐHH và có thể làm tài liệu tham khảo tốt cho các nghiên cứu cùng vấn đề hoặc các kế hoạch đổi mới chương trình đào tạo của các cơ sở đào tạo có chương trình tương đương.

## Tài liệu tham khảo

- Aguecheriou, F., & Ait Hamma, S. (2020). *Enseignement de la structure de l'exposé oral en classe de 1ère année licence de Français* [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Abderrahmane Mira – Bejaïa (Algeria).
- Aptitude, R.H. (2018). *4 éléments importants dans la prise de parole en public*. Truy cập ngày 29 tháng 10, 2021, từ: <http://aptitudes-rh.com/4-elements-importants-dans-la-prise-de-parole-en-public.html/>.
- Ideas on stage. (2021). *Le guide ultime de la prise de parole en public*. Truy cập ngày 29 tháng 10, 2021, từ: <https://www.ideasonstage.fr/guide-ultime-prise-de-parole-en-public/>.
- King, J. (2002). Preparing EFL Learners for Oral Presentations. *Dong Hwa Journal of Humanistic Studies*, 4, 401- 418. <http://iteslj.org/Lessons/King-PublicSpeaking.html>.
- Kameli, S. (2020). *Le jeu de rôle et l'exposé: Quel impact sur l'enseignement/ apprentissage de l'oral en classe de FLE. Cas des étudiants de 3ème année lycée*. Luận văn Thạc sĩ. Université de Larbi Ben M'hidi-Oum El Bouaghi (Algeria). <http://bib.univ-oeb.dz:8080/jspui/bitstream/123456789/11088/1/memoire.pdf>.
- Lại Thế Luyện, Trần Hữu Trần Huy, Lê Thị Thúy Hà, Nguyễn Võ Huệ Anh, Trần Thị Thảo, Lê Nữ Diễm Hương & Nguyễn Kim Vui (2021). *Kỹ năng thuyết trình và làm việc nhóm*. Trường Đại học Tài Chính - Marketing. <https://iae.ufm.edu.vn/Resources/Docs/SubDomain/iae/Ky%20nang%20mem/Tai%20lieu/1.Tai%20lieu%20CDDTCLC%20KTL.pdf>.
- Lê Thái Cẩm Trang (2018). *Amélioration de l'expression orale à travers l'exposé - Cas des étudiants du département de français de l'École Supérieure de Langues Étrangères—Université de Huế*. Đề tài nghiên cứu cấp trường. Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế.
- Lưu Quý Khương (2006). Áp dụng hoạt động thuyết trình để nâng cao chất lượng dạy - học các môn lý thuyết cho sinh viên ngoại ngữ. *VNU Journal of Foreign Studies*, 3(22), 53-59. <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/2632>.
- Miecznikowski, J., Mondada, L., Müller, K., & Pieth, C. (2001). L'exposé scientifique comme activité pratique et interactive. *Les Carnets du Cediscor. Publication du Centre de recherches sur la didacticité des discours ordinaires*, 7. <https://doi.org/10.4000/cediscor.313>.
- Nguyễn Dung (2021). *Vai trò của kỹ năng thuyết trình trong cuộc sống hiện nay*. Đào tạo MC - Giao tiếp - Thuyết trình - Kỹ năng bán hàng cơ bản tới chuyên nghiệp. Truy cập ngày 6 tháng 10, 2022, từ: <https://youcannow.vn/vai-tro-cua-ky-nang-thuyet-trinh-trong-cuoc-song-hien-nay>.
- Nguyễn Thị Kim Liên (2015). *Ứng dụng sơ đồ tư duy nhằm nâng cao hiệu quả thuyết trình của sinh viên khóa k10 và k11 – Khoa Tiếng Pháp – Trường Đại học Ngoại Ngữ Huế*. Đề tài nghiên cứu cấp trường. Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế.
- Phạm Thị Phương (2017). *Phương pháp sử dụng video trong việc nâng cao kỹ năng thuyết trình cho sinh viên năm thứ hai, trường đại học Thương Mại*. Đề tài nghiên cứu cấp trường. Trường Đại học Thương Mại. <https://www.tailieumienphi.vn/doc/bao-cao-khoa-hoc-cap-truong-phuong-phap-su-dung-video-trong-viec-nang-cao-ky-nan-6x6guq.html>.

- Phạm Xuân (2021). *Cách làm PowerPoint đẹp và chuyên nghiệp*. Truy cập ngày 22 tháng 9, 2022 từ: <https://powerpoint.com.vn/cach-lam-powerpoint-dep-va-chuyen-nghiep/>.
- Phan Đình Ngọc Châu (2012). *Sử dụng ngôn ngữ cơ thể trong bài thuyết trình của sinh viên ngoại ngữ tiếng Pháp, Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế*. Đề tài nghiên cứu cấp trường. Trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Huế.
- Prof de Français (2020). *Comment faire (et réussir) un exposé oral?* Cours de français. Truy cập ngày 17 tháng 9, 2022 từ: <https://profdefrancais.net/comment-faire-et-reussir-un-expose-oral/>.
- Tano, M. (2021). L'exposé oral en langue étrangère: Une tâche complexe au service du développement des compétences. *Recherches en didactique des langues et des cultures. Les cahiers de l'Acedle*, 18-1. <https://doi.org/10.4000/rdlc.8714>.

## THE PUBLIC SPEAKING PERFORMANCE BY 2<sup>ND</sup> YEAR STUDENTS OF FRENCH

**Abstract:** Public presentations in general and presentations in foreign languages in particular play an important role in the educational and professional environment. This article will explore the public speaking performance by 2nd year students of French at the University of Foreign Languages and International Studies, Hue University, and point out difficulties students often encounter. Through surveying and interviewing students and teachers, we found that most students were still quite confused when practicing and presenting in French in public and they often have difficulty with vocabulary, grammar, accent, pronunciation, and body language.

*Keywords:* language skills, French, public speaking